

Số: 1541 /TB-ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức năm 2026
của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển dụng viên chức năm 2026 như sau:

1. Nhu cầu và chỉ tiêu

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng theo danh mục chi tiết: 70 người, gồm 56 giảng viên và 14 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ. Toàn bộ chỉ tiêu được bố trí trong số lượng người làm việc chưa sử dụng theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐT và chi trả từ nguồn thu sự nghiệp của Trường, không làm tăng chi ngân sách nhà nước.

Nhóm vị trí	Tiến sĩ	Thạc sĩ/khác	Tổng
Giảng viên đại học	42	14	56
Chuyên môn, nghiệp vụ	01*	13	14
Cộng	43	27	70

* 01 vị trí chuyên viên quản lý chất lượng giáo dục yêu cầu trình độ tiến sĩ.

Danh mục chi tiết vị trí, số lượng, bậc nghề nghiệp, trình độ, ngành đào tạo và yêu cầu đặc thù tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

- Đối với người có học hàm, học vị cao đủ điều kiện tuyển dụng thường xuyên theo chính sách thu hút của Trường, thực hiện theo Thông báo số 1266/TB-ĐHL ngày 10/8/2026 về nhu cầu tuyển dụng thường xuyên người có trình độ tiến sĩ; người có chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư vào làm việc tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

2. Vị trí việc làm và bậc nghề nghiệp

- Nhóm giảng viên: vị trí Giảng viên đại học (Giảng viên)
- Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ: các vị trí theo Phụ lục II và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Địa điểm làm việc

Chủ yếu tại Cơ sở 3 của Trường ở phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ yêu cầu công tác, Hiệu trưởng có thể phân công làm việc tại các cơ sở khác của Trường theo quy định.

4. Điều kiện đăng ký dự tuyển chung

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, trình độ đào tạo, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và năng lực phù hợp với vị trí dự tuyển;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác tại Phụ lục kèm theo, nhưng không được phân biệt loại hình đào tạo và không trái quy định pháp luật.

5. Người không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc;
- Thuộc trường hợp khác không được đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định của pháp luật.

6. Nguyên tắc xác định văn bằng và điều kiện riêng

a) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Việt Nam. Việc xác định ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc tương đương phải căn cứ văn bằng, bằng điểm, văn bản công nhận và nội dung chương trình đào tạo; kết quả phải được lập thành văn bản trước khi công bố danh sách đủ điều kiện dự thi.

b) Yêu cầu ngoại ngữ theo từng vị trí được thể hiện tại Phụ lục. Danh mục chứng chỉ được chấp nhận, thời hạn của chứng chỉ và bảng quy đổi tương đương Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Người không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ phải dự thi phần ngoại ngữ của vòng 1.

c) Các tiêu chí như chức danh giáo sư, phó giáo sư; bằng tiến sĩ ở nước ngoài; công bố WoS/Scopus; kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu hoặc triển khai dự án là căn cứ đánh giá

mức độ phù hợp ở vòng 2, không làm phát sinh điểm ưu tiên ngoài các nhóm được pháp luật quy định.

d) Ứng viên trúng tuyển phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại thời điểm kiểm tra Hồ sơ đăng ký dự tuyển và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã kê khai.

7. Đối tượng và điểm ưu tiên

a) Đối với vị trí giảng viên: áp dụng Điều 6 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP. Người có từ đủ 36 tháng giảng dạy phù hợp với vị trí và có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được cộng 5 điểm; người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc có từ đủ 36 tháng kinh nghiệm thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp và có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được cộng 5 điểm. Các nhóm ưu tiên khác thực hiện theo pháp luật về viên chức, người có công và quân sự.

b) Đối với vị trí chuyên môn, nghiệp vụ: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B được cộng 7,5 điểm; người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh và các đối tượng khác theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP được cộng 5 điểm; người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong được cộng 2,5 điểm; cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân được cộng 1,5 điểm.

c) Trường hợp một người thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng mức điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả vòng 2.

8. Phương thức tuyển dụng

Viên chức được tuyển dụng theo hình thức thi tuyển, thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

- Vòng 1: Kiểm tra kiến thức chung và ngoại ngữ

a) Kiểm tra kiến thức chung bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính.

- Nội dung: 60 câu hỏi về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng.

- Thời gian: 60 phút.

b) Kiểm tra ngoại ngữ bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính theo yêu cầu của vị trí việc làm và Thông báo tuyển dụng.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi, nội dung kiểm tra tương đương trình độ Bậc 3 (đối với vị trí chuyên viên) hoặc Bậc 4 (đối với vị trí giảng viên) theo quy định tại Thông tư số 33/2026/TT-

BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Điều kiện được miễn phần kiểm tra ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật;

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên môn, trong đó chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 (đối với vị trí chuyên viên) hoặc Bậc 4 (đối với vị trí giảng viên) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Người dự tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên đối với từng phần thi quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Thực hành; thang điểm 100.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm, cụ thể:

- Đối với vị trí giảng viên:

+ Thực hành giảng thử nội dung thuộc chuyên môn đăng ký dự tuyển và báo cáo tổng quan công trình, kết quả, định hướng nghiên cứu khoa học;

+ Thời gian: 30 phút/ứng viên.

- Đối với vị trí chuyên viên:

+ Thực hành xử lý tình huống/nhiệm vụ theo vị trí việc làm, đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý công việc và báo cáo;

+ Thời gian: 30 phút/ứng viên.

9. Hồ sơ dự tuyển, hình thức nộp, lệ phí

a) Hồ sơ dự tuyển

- (1) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- (2) Bản Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu);
- (3) Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước;
- (4) 02 ảnh 3x4;
- (5) Phiếu đăng ký môn giảng thử và Lý lịch khoa học (áp dụng đối với ứng tuyển vị trí giảng viên);
- (6) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ (ngoại ngữ, tin học, các chứng chỉ khác) và bảng điểm học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp ứng viên có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được công nhận bởi Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;
- (7) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

b) Hình thức nộp hồ sơ dự tuyển:

Ứng viên **thực hiện đầy đủ 02 phương thức:**

- (1) Nộp hồ sơ **bản giấy** tại Phòng Tổ chức Nhân sự (Phòng A.906) - Số 02 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- (2) Đăng ký và gửi **bản mềm (định dạng PDF hoặc hình ảnh)** tại đường dẫn <https://forms.gle/e975zLxoybEda7e28>

c) Thời hạn tiếp nhận hồ sơ dự tuyển

Chậm nhất vào ngày **22/10/2026 (thứ Năm)**.

d) Lệ phí dự tuyển dụng

- Mỗi ứng viên dự tuyển đóng 500.000đ/thí sinh (theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch thăng hạng công chức, viên chức).

- Địa điểm đóng: Phòng thu học phí (Phòng B.105, cơ sở NTT) trước khi nộp hồ sơ ứng tuyển.

Trên đây là Thông báo về việc tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ về Phòng Tổ chức Nhân sự (Phòng A.906) - Số 02 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh (số điện thoại (028) 39400 989 – nhánh 135, gặp ThS. Hồ Hàn Phong)/.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, TCNS.

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Phan Anh Tuấn



PHỤ LỤC I DANH MỤC VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG GIẢNG VIÊN NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo 1541/TB-ĐHL ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Đơn vị/nhóm chuyên môn	TS	ThS	Ngành, trình độ	Yêu cầu riêng	Ưu tiên
1.1	Khoa Quản trị Quản trị - Quản lý	02	0	Tiến sĩ thuộc các ngành: Quản trị - Quản lý; Quản trị nhân lực; Quản lý công; Chính sách công.		Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy/nghiên cứu phù hợp; có công bố khoa học quốc tế.
1.2	Khoa Quản trị Kinh doanh	04	0	Tiến sĩ thuộc các ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử.		Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy/nghiên cứu phù hợp; có công bố WoS/Scopus.
1.3	Khoa Quản trị Tài chính - Ngân hàng	02	0	Tiến sĩ thuộc các ngành: Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính.		Ưu tiên tốt nghiệp ở nước ngoài, có công bố quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn.
1.4	Khoa Quản trị Kế toán - Kiểm toán	01	0	Tiến sĩ ngành Kế toán, Kiểm toán		Ưu tiên có chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn.
1.5	Khoa Quản trị Toán - Thống kê	01	0	Tiến sĩ Toán học, Thống kê		Ưu tiên năng lực phân tích dữ liệu.
1.6	Khoa Quản trị Kinh tế học	02	01	Tiến sĩ hoặc thạc sĩ thuộc các ngành: Kinh tế học; Kinh tế quản lý; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế.		Ưu tiên PGS/GS, tiến sĩ ở nước ngoài, công bố WoS/Scopus.
2	Khoa Khoa học cơ bản	07	0	Tiến sĩ: Kinh tế chính trị (02); Tư tưởng Hồ Chí Minh (02); Chủ nghĩa xã hội khoa học (02); Tâm lý học (01).		Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy đại học và công bố khoa học phù hợp.
3	Khoa Luật Quốc tế	06	01	Tiến sĩ hoặc thạc sĩ ngành Luật, Luật quốc tế	Ứng viên thạc sĩ phải đang là nghiên cứu sinh	Ưu tiên có năng lực giảng dạy bằng ngoại ngữ, bằng tiến sĩ ở nước ngoài và công bố quốc tế.
4	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước	04	06	Tiến sĩ hoặc thạc sĩ ngành Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.	Ứng viên thạc sĩ: ngoại ngữ tối thiểu tương đương IELTS 6.5 Ứng viên thạc sĩ phải đang là nghiên cứu sinh	Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu phù hợp.

ST T	Đơn vị/nhóm chuyên môn	TS	ThS	Ngành, trình độ	Yêu cầu riêng	Ưu tiên
5	Khoa Luật Dân sự	0	01	Thạc sĩ ngành Luật; Luật dân sự và tổ tụng dân sự hoặc ngành luật phù hợp; đồng thời đáp ứng một trong hai nhóm: (i) đang là nghiên cứu sinh và ngoại ngữ tối thiểu tương đương IELTS 6.5; hoặc (ii) có bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài và được công nhận theo quy định.		Ưu tiên có công bố khoa học và kinh nghiệm thực tiễn pháp lý dân sự.
6	Khoa Luật Thương mại	03	02	Tiến sĩ hoặc thạc sĩ ngành Luật, Luật kinh tế	- Tiến sĩ: được đào tạo ở nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc có ngoại ngữ tương đương IELTS 6.5 - Thạc sĩ: được đào tạo ở nước ngoài bằng tiếng Anh/Pháp/Nhật/Trung hoặc có ngoại ngữ tương đương IELTS 6.5 Ứng viên thạc sĩ phải đang là nghiên cứu sinh	Ưu tiên công bố quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn.
7	Khoa Luật Hình sự	02	0	Tiến sĩ ngành Luật; Luật hình sự và tổ tụng hình sự; Tội phạm học	Ngoại ngữ tối thiểu tương đương IELTS 6.5	Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy và công bố phù hợp.
8	Khoa Ngoại ngữ pháp lý Tiếng Anh	01	02	Tiến sĩ thuộc các ngành: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ học đối chiếu; Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh. Thạc sĩ: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ứng viên thạc sĩ: có kinh nghiệm dạy tiếng Anh pháp lý và IELTS tối thiểu 7.5 hoặc tương đương	Ứng viên thạc sĩ phải đang là nghiên cứu sinh.
9	Khoa Ngoại ngữ pháp lý Tiếng Trung	04	01	Tiến sĩ hoặc thạc sĩ thuộc các ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ học; Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung	Có năng lực giảng dạy tiếng Trung chuyên ngành; cam kết hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật hoặc văn bằng phù hợp theo kế hoạch của Trường. Ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy và công bố khoa học	Ứng viên thạc sĩ phải đang là nghiên cứu sinh.
10	Khoa Ngoại ngữ pháp lý Tiếng Nhật	03	0	Tiến sĩ thuộc các ngành: Giáo dục tiếng Nhật; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ học đối chiếu	Có năng lực tiếng Nhật tối thiểu JLPT N2 hoặc tương đương; ưu tiên có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Nhật chuyên ngành	
TỔNG CỘNG		42	14	56 chỉ tiêu		

Ghi chú 1: Vị trí việc làm chung: Giảng viên đại học (Giảng viên)

Ghi chú 2: Chúng chỉ ngoại ngữ phải còn giá trị tại thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.



PHỤ LỤC II
DANH MỤC VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 1541/TB-ĐHL ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

ST T	Đơn vị	Vị trí việc làm	SL	Ngành, trình độ	Yêu cầu riêng	Ưu tiên
1	Phòng Tổ chức Nhân sự	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	01	Đại học trở lên nhóm ngành Luật	Nắm vững pháp luật viên chức, lao động; có kỹ năng tổng hợp, quản lý hồ sơ nhân sự.	
2	Phòng Đào tạo Đại học	Quản lý đào tạo đại học (Luật)	01	Đại học trở lên nhóm ngành Luật.	Có kỹ năng quản lý chương trình, kế hoạch học vụ và dữ liệu đào tạo.	
3	Phòng Đào tạo Đại học	Quản lý đào tạo đại học (Kinh doanh)	01	Đại học trở lên nhóm ngành Kinh doanh và quản lý.	Có kỹ năng quản lý chương trình, kế hoạch học vụ và dữ liệu đào tạo.	
4	Phòng Đào tạo Đại học	Quản lý đào tạo đại học (Công nghệ thông tin)	01	Đại học trở lên nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin.	Có năng lực vận hành hệ thống, quản trị dữ liệu phục vụ đào tạo.	
5	Phòng Đào tạo Sau đại học	Quản lý đào tạo sau đại học	01	Đại học trở lên nhóm ngành Luật.	Có kỹ năng quản lý quy trình đào tạo sau đại học, hồ sơ học viên và nghiên cứu sinh.	
6	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển	Quản lý khoa học, công nghệ và hợp tác phát triển	01	Đại học trở lên nhóm ngành Luật.	Có kỹ năng quản lý nhiệm vụ khoa học, hợp đồng và hoạt động hợp tác.	
7	Phòng Chuyển đổi số	Công nghệ thông tin - hạ tầng/phần cứng	01	Đại học trở lên nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin.	Có năng lực quản trị mạng, máy chủ, thiết bị, chuyên về phần cứng.	
8	Phòng Chuyển đổi số	Công nghệ thông tin - phần mềm/dữ liệu	01	Đại học trở lên ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo hoặc ngành phù hợp.	Có năng lực phân tích, phát triển/tích hợp phần mềm và quản trị dữ liệu.	Ưu tiên đã tham gia dự án chuyển đổi số.
9	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Quản lý chất lượng giáo dục	01	Tiến sĩ ngành Quản lý giáo dục, Giáo dục học hoặc ngành phù hợp.	Có kiến thức về phát triển chương trình, bảo đảm chất lượng và kiểm định giáo dục;	Ưu tiên có kinh nghiệm tự đánh giá/đánh giá ngoài.
10	Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp	Truyền thông - báo chí/nội dung số	01	Đại học trở lên ngành Báo chí, Truyền thông đa phương tiện hoặc ngành phù hợp.	Có kỹ năng viết, biên tập và sản xuất nội dung số;	Ưu tiên có kinh nghiệm xây dựng kịch bản, quay dựng video.
11	Trung tâm Tư vấn pháp luật và Phục vụ cộng đồng	Tư vấn pháp luật và phục vụ cộng đồng	02	Đại học trở lên ngành Luật.	Có kỹ năng tư vấn, phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức hoạt động cộng đồng;	
12	Viện Đào tạo Quốc tế	Quản lý đào tạo và hợp tác quốc tế	01	Đại học trở lên ngành Luật hoặc ngành phù hợp.	Có năng lực ngoại ngữ và quản lý chương trình liên kết	
13	Văn phòng Đảng ủy – Công đoàn	Công tác Đảng, đoàn thể	01	Đại học trở lên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Luật hoặc ngành phù hợp.	Có kỹ năng tham mưu, tổng hợp và tổ chức hoạt động đoàn thể.	Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;
TỔNG CỘNG			14	14 chỉ tiêu		